

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lê Phước V, sinh ngày 05/12/1994 đã trưởng thành nên chi không có yêu cầu gì về con mà việc sống

với cha hay mẹ là tùy ở con.

Về chia tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Lê Ngọc L trình bày tại bản tự khai ngày 18/7/2018 như sau: Anh thống nhất với chị H về thời gian cưới, đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Anh và chị H đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay nên việc chị H yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lê Phước V, sinh ngày 05/12/1994 đã trưởng thành nên anh không có yêu cầu gì về con mà việc sống với cha hay mẹ là tùy ở con.

Về chia tài sản: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Anh L đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, thông báo phiên tòa hợp lệ nhưng anh L có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Chị Phạm Hồng H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lê Ngọc L là quan hệ tranh chấp ly hôn, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Đối với anh Lê Ngọc L, Tòa án đã tổng đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh L có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh L.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hồng H và anh Lê Ngọc L cưới nhau vào năm 1994, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2002 tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Long An là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do anh L thường xuyên ăn nhậu, cờ bạc không lo cuộc sống gia đình vợ con và còn kiếm chuyện đánh đập vợ con. Khi xảy ra mâu thuẫn cả hai không cùng nhau tìm ra cách giải quyết để vợ chồng hàn gắn tình cảm mà thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Xét thấy, chị H xin ly hôn và anh L cũng đồng ý. Qua đó, cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh L.

Về nuôi con chung: chị H và anh L có 01 con chung tên Lê Phước V, sinh ngày 05/12/1994 đã trưởng thành, chị H, anh L đều không có yêu cầu gì về con. Do đó, việc sống với cha hay mẹ là tùy ở cháu V nên Hội đồng xét xử không xét.

Về chia tài sản chung: chị H, anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hồng H được ly hôn với anh Lê Ngọc L.

Về án phí: Chị Phạm Hồng H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000983 ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị H đã nộp đủ.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Út

